TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Phương**

2. Ông **Quàng Văn Minh**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Vi Thị Hoàng Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc: "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bạc Cầm N** - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt);

2. Bị đơn: Chị **Lường Thị T** - Sinh năm 1982; Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2024 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn anh Bạc Cầm N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh N và chị T kết hôn với nhau do 2 bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2013 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cho đến tháng 02 năm 2024 thì anh N về ở với bố mẹ đẻ anh N tại Bản

P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên cho đến nay. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 02/2024 cho đến nay. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau , mặc dù anh chị đã cố gắng để hiểu nhau và quay lại với nhau nhưng không thành. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay. Anh N cam đoan hiện tại chị T không có thai và nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Nay tình cảm của anh N đối với chị T không còn, anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- *Về con chung:* Anh N khai anh chị không có con chung.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:* Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh N khai không có.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt không có lý do ở phiên hòa giải và phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn là anh Bạc C Nam được ly hôn với bị đơn là chị Lường Thị T.

- Về con chung, con riêng, con nuôi: Không có.

- Về tài sản, công nợ: Không có.

- Về án phí: Anh Bạc Cầm N được miễn án phí DSST.

* *Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm*: Không;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Ly hôn giữa anh Bạc Cầm N và chị Lường Thị T, do chị T cư trú tại Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lường Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chị T vẫn không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, mà Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 12/8/2024 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định mở phiên tòa vào ngày 29/8/2024, nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của chị T tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, anh N cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 02/2024 cho đến nay, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù anh chị đã cố gắng để hiểu nhau và quay lại với nhau nhưng không thành (được chứng minh tại Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tại chính quyền địa phương ngày 01/7/2024 BL: 27). Mặt khác, trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa anh N khẳng định anh không còn tình cảm với chị T nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, anh N tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với chị T.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án chị T không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện chị T chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ đầu tháng 02/2024 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của anh N và chị T vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho anh N được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*) *Về con chung:* Anh N khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*) *Về quan hệ tài sản và công nợ:* Trong quá trình giải quyết vụ án anh N khai: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*) *Về án phí*: Anh Bạc Cầm N là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh B Cầm Nam theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự.

1. Về hôn nhân: Anh Bạc Cầm N được ly hôn với chị Lường Thị T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Bạc Cầm N là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Bạc Cầm N.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự anh B Cầm Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2024). Chị Lường Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Nưa, huyện ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến